

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Quản lý kế hoạch giảng dạy

-oOo-

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
1	850007	Vật lý A1	3	135	Nguyễn Việt Long	11339	02		2	6	2	1.A101	DDV1251	-234567890-----
2			3	135	Nguyễn Việt Long	11339			6	6	3	C.HTC	DDV1251	-234567890-----
3	850016	Kỹ thuật lập trình và ứng dụng	3	135	Trần Minh Nhật	11033	02		3	6	2	C.HTC	DDV1251	-----12-----
4			3	135	Trần Minh Nhật	11033			4	6	3	C.HTC	DDV1251	-23456789012-----
5	850016	Kỹ thuật lập trình và ứng dụng	3	45	Trần Minh Nhật	11033	02	01	5	4	2	C.A104	DDV1251	-23456789012-----
6	850016	Kỹ thuật lập trình và ứng dụng	3	45	Trần Minh Nhật	11033	02	02	2	1	2	C.A102	DDV1251	-23456789012-----
7	850016	Kỹ thuật lập trình và ứng dụng	3	45	Trần Minh Nhật	11033	02	03	3	1	2	C.A103	DDV1251	-23456789012-----
8	850021	Điện tử số	3	82	Nguyễn Thị Hậu	10706	02		3	4	2	1.C301	DDV1241	123456789-----
9			3	82	Nguyễn Thị Hậu	10706			6	6	3	C.C101	DDV1241	123456789-----
10	850029	Thực hành điện - điện tử	2	29	Nguyễn Xuân Tiên	11274	02		6	1	5	C.A202	DDV1231	123-567890123-----
11	850029	Thực hành điện - điện tử	2	29	Nguyễn Xuân Tiên	11274	03		6	6	5	C.A202	DDV1231	123-567890123-----
12	850319	An ninh mạng	3	87	Bùi Công Giao	11143	01		3	4	2	2.A104	DDV1221	123456789012345----
13	850319	An ninh mạng	3	44	Bùi Công Giao	11143	01	01	7	6	5	C.A201	DDV1221	-2-4-6-8-0-2-----
14	850319	An ninh mạng	3	44	Bùi Công Giao	11143	01	02	7	6	5	C.A201	DDV1221	--3-5-7-9-1-3-----
15	850402	Giải tích mạch điện	3	135	Trần Thiện Huân	11680	02		2	9	2	1.B003	DDV1251	-234567890-----
16			3	135	Trần Thiện Huân	11680			3	8	3	2.A202	DDV1251	-234567890-----
17	850404	Tiếng Anh chuyên ngành	3	58	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	11745	04		2	6	2	1.C201	DDV1241	123456789-----
18			3	58	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	11745			4	8	3	C.B103	DDV1241	123456789-----
19	850406	Trường điện tử và kỹ thuật siêu cao tần	3	80	Nguyễn Việt Long	11339	01		2	4	2	1.C301	DDV1231,DDV1241	123-56789012-----
20			3	80	Nguyễn Việt Long	11339			3	9	2	1.C301	DDV1231,DDV1241	123-56789012-----
21	850406	Trường điện tử và kỹ thuật siêu cao tần	3	47	Nguyễn Việt Long	11339	02		4	4	2	2.A101	DDV1231	123-567890-----
22			3	47	Nguyễn Việt Long	11339			5	8	3	2.A101	DDV1231	123-567890-----
23	850408	Cơ sở điều khiển tự động	3	115	Nguyễn Huy Hùng	10895	02		4	1	3	2.A104	DDV1231	123-5678901-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
24	850408	Cơ sở điều khiển tự động	3	29	Nguyễn Huy Hùng	10895	02	01	6	1	5	C.A201	DDV1231	----5-7-9-1-3-5----
25	850408	Cơ sở điều khiển tự động	3	29	Nguyễn Huy Hùng	10895	02	02	3	1	5	C.A201	DDV1231	--3--6-8-0-2-4-----
26	850408	Cơ sở điều khiển tự động	3	29	Nguyễn Huy Hùng	10895	02	03	2	6	5	C.A201	DDV1231	----5-7-9-1-3-5----
27	850408	Cơ sở điều khiển tự động	3	29	Nguyễn Huy Hùng	10895	02	04	2	6	5	C.A201	DDV1231	--3--6-8-0-2-4-----
28	850408	Cơ sở điều khiển tự động	3	61	Trần Thiện Huân	11680	03		2	1	3	1.C301	DDV1241	1234567890-----
29	850408	Cơ sở điều khiển tự động	3	31	Trần Thiện Huân	11680	03	01	5	1	5	C.A203	DDV1241	-2-4-6-8-0-2-----
30	850408	Cơ sở điều khiển tự động	3	31	Trần Thiện Huân	11680	03	02	5	1	5	C.A203	DDV1241	1-3-5-7-9-1-----
31	850408	Cơ sở điều khiển tự động	3	61	Trần Thiện Huân	11680	04		4	3	3	1.C301	DDV1241	1234567890-----
32	850408	Cơ sở điều khiển tự động	3	31	Trần Thiện Huân	11680	04	01	5	6	5	C.A201	DDV1241	-2-4-6-8-0-2-----
33	850408	Cơ sở điều khiển tự động	3	31	Trần Thiện Huân	11680	04	02	5	6	5	C.A201	DDV1241	1-3-5-7-9-1-----
34	850412	Kiến trúc và tổ chức máy tính	3	37	Bùi Công Giao	11143	01		7	1	5	C.A201	DDV1241	123456789012-----
35	850412	Kiến trúc và tổ chức máy tính	3	89	Bùi Công Giao	11143	02		3	6	3	1.C101	DDV1231	123-5678901-----
36	850412	Kiến trúc và tổ chức máy tính	3	45	Bùi Công Giao	11143	02	01	4	8	3	1.A016	DDV1231	-23-56789012-----
37	850412	Kiến trúc và tổ chức máy tính	3	45	Bùi Công Giao	11143	02	02	2	1	3	1.A015	DDV1231	-23-56789012-----
38	850423	Kỹ thuật chuyển mạch tiên tiến	3	87	Nguyễn Nhật Tiến	11366	01		4	8	3	C.C101	DDV1221	123456789012345----
39	850424	Hệ thống thông tin di động số	3	87	Dương Hiền Thuận	10945	01		3	1	3	2.A104	DDV1221	123456789012345----
40	850425	Thực hành chuyên ngành điện tử viễn thông	2	87	Nguyễn Nhật Tiến	11366	01		3	8	3	C.C101	DDV1221	12345-----
41	850425	Thực hành chuyên ngành điện tử viễn thông	2	29	Nguyễn Nhật Tiến	11366	01	01	7	1	5	C.A204	DDV1221	-2-4-6-8-0-2-----
42	850425	Thực hành chuyên ngành điện tử viễn thông	2	29	Nguyễn Nhật Tiến	11366	01	02	7	1	5	C.A204	DDV1221	--3-5-7-9-1-3-----
43	850425	Thực hành chuyên ngành điện tử viễn thông	2	29	Nguyễn Nhật Tiến	11366	01	03	5	6	5	C.A204	DDV1221	-2-4-6-8-0-2-----
44	850426	Hệ thống viễn thông số	3	71	Nguyễn Hồng Nhu	11365	01		2	4	2	1.C101	DDV1231	123-567890123-----
45			3	71	Nguyễn Hồng Nhu	11365			5	6	2	2.A101	DDV1231	123-567890123-----
46	850426	Hệ thống viễn thông số	3	71	Nguyễn Hồng Nhu	11365	02		4	4	2	2.A002	DDV1231	123-567890123-----
47			3	71	Nguyễn Hồng Nhu	11365			5	4	2	1.C101	DDV1231	123-567890123-----
48	850436	Chuyên đề tốt nghiệp viễn thông 1	3	44	Hồ Văn Cừ	10807	01		4	1	5	C.A204	DDV1211	123456789012-----
49	850437	Chuyên đề tốt nghiệp viễn thông 2	3	44	Nguyễn Nhật Tiến	11366	01		5	3	3	C.E605	DDV1211	123456789012345----
50	850438	Chuyên đề tốt nghiệp viễn thông 3	4	44	Hồ Văn Cừ	10807	01		2	1	5	C.A204	DDV1211	123456789012-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
51	850503	Công nghệ bán dẫn	3	37	Trần Thiện Huân	11680	01		4	1	2	1.C101	DDV1241	123456789-----
52			3	37	Trần Thiện Huân	11680			6	3	3	1.C301	DDV1241	123456789-----
53	851403	Thí nghiệm điện tử 2	2	50	Huỳnh Lê Minh Thiện	11137	01		2	6	3	2.C001	DDV1221	12345-----
54	851403	Thí nghiệm điện tử 2	2	25	Huỳnh Lê Minh Thiện	11137	01	02	5	1	5	C.A201	DDV1221	---4-6-8-0-2-4----
55	852003	Truyền dẫn vô tuyến số	3	87	Nguyễn Hồng Nhu	11365	01		6	8	3	C.E304	DDV1221	123456789012345----
56	861301	Triết học Mác - Lênin	3	160	Nguyễn Thị Hương Giang	11206	06		5	6	4	C.HTE	DDV1251	-23456789012-----
57	862101	Giáo dục thể chất (I)	1	45	Trần Ngọc Cương	10445	07		6	1	3	C.S_B05	DDV1251	-2345678901-----
58	862101	Giáo dục thể chất (I)	1	45	Đặng Minh Quân	11233	08		6	1	3	C.S_B06	DDV1251	-2345678901-----
59	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727	05		2	1	5	4.S-QP05	DDV1231	---4-----
60			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			2	6	5	4.S-QP05	DDV1231	---4-----
61			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			3	1	5	4.S-QP05	DDV1231	---4-----
62			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			3	6	5	4.S-QP05	DDV1231	---4-----
63			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			4	1	5	4.S-QP05	DDV1231	---4-----
64			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			4	6	5	4.S-QP05	DDV1231	---4-----
65			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			5	1	5	4.S-QP05	DDV1231	---4-----
66			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			5	6	5	4.S-QP05	DDV1231	---4-----
67			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			6	1	5	4.S-QP05	DDV1231	---4-----
68			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			6	6	5	4.S-QP05	DDV1231	---4-----
69			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			7	1	5	4.S-QP05	DDV1231	---4-----
70			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			7	6	5	4.S-QP05	DDV1231	---4-----
71	864005	Giải tích 1	3	120	Nguyễn Phúc Bình	10155	01		3	4	2	C.E503	DDV1251	--345678901-----
72			3	120	Nguyễn Phúc Bình	10155			4	1	3	2.B204	DDV1251	--345678901-----
73	864005	Giải tích 1	3	120	Lưu Hồng Phong	20823	02		7	1	4	2.B004	DDV1251	-23456789012-----
74	864007	Đại số tuyến tính	3	120	Chế Thị Kim Phụng	10986	08		2	3	3	C.E503	DDV1251	--345678901-----
75			3	120	Chế Thị Kim Phụng	10986			4	4	2	2.B204	DDV1251	--345678901-----

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu